

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HS-ST
Ngày 17-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh
Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trọng Nghĩa và bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 90/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng Minh V, sinh năm 1998 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Diệu H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày từ 25-02-2021 đến nay, có mặt.

2. Phạm Ngọc T, sinh năm 2000 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc D và bà Lê Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày từ 24-02-2021 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo V: Ông Lê Hoàng H, Luật sư của Công ty Luật T – chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 324 đường H, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Phạm Thanh P, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Sơn

Tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1995, đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Số 150/1 đường P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, ngày 20-02-2021 Lê Hoàng Minh V đặt mua của đối tượng tên “T” trên mạng Facebook 02 (hai) chắm ma túy “khay” và 02 (hai) viên ma túy “kẹo” với số tiền là 1.600.000 đồng. Ngày 22-02-2021, sau khi nhận được ma túy đã mua bằng hình thức bưu điện, bị can V đem về phòng trọ sử dụng hết 01 (một) chắm ma túy “khay”, số ma túy còn lại cất giấu tại căn phòng trên lầu 2 căn nhà số 04/10 L, phường T, thành phố Quảng Ngãi. Đến khoảng 22 giờ 40 phút ngày 24-02-2021, chị Phạm Thanh P đang ở tại nhà nghỉ P, do có nhu cầu sử dụng ma túy chị P sử dụng Zalo của mình có tên “P” nhắn tin cho V qua Zalo có tên “L” để hỏi mua 02 (hai) viên ma túy “thuốc lắc” và 01 (một) chắm ma túy “khay” với tổng số tiền 2.000.000 đồng để sử dụng và hẹn V đem ma túy tới nhà nghỉ P bán cho P. Khi đó, tại nơi ở của V có Phạm Ngọc T, V nhờ Phạm Ngọc T cầm ma túy đi bán cho P và hứa sẽ cho T số tiền là 300.000 đồng. T đồng ý và V đã chỉ chỗ cất giấu 02 (hai) viên ma túy “thuốc lắc”, 01 (một) chắm ma túy “khay” cho T lấy, đồng thời đưa số điện thoại của chị P cho T để liên lạc bán ma túy cho chị P. Khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76E1-426.10 đến khu vực gần nhà nghỉ P và sử dụng số điện thoại 0333038641 gọi điện cho P để nhận tiền, giao ma túy cho P thì bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi phát hiện bắt quả tang và thu giữ trên người của T, gồm: 02 (hai) viên nén ma túy tổng hợp dạng “thuốc lắc”; 01 (một) túi nilon ma túy Katamine “khay” và một số tang vật có liên quan.

Kết luận giám định số: 221/KLGD-PC09 ngày 03/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

- *Chất rắn dạng hạt tinh thể màu trắng chứa trong 01 túi ny lông bên trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại: Ketamine; khối lượng 0,34 gam.*

- *02 viên nén màu vàng bên trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại: MDMA; khối lượng 0,73 gam.*

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35 và MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 27, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính Phủ.

Cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 04-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Lê Hoàng Minh V và

Phạm Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng Minh V và Phạm Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Lê Hoàng Minh V từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù và Phạm Ngọc T từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét giải quyết theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng Minh V: Thống nhất với tội danh và điều khoản Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo V. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo V có nhiều người có công với nước gồm: Bà Cố nội là Mẹ Việt Nam anh hùng, ông Cố nội là Liệt sĩ, bà Nội được tặng danh hiệu Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày; nhận thức của bị cáo V về tác hại của ma túy còn hạn chế, đây lần đầu phạm tội, trước khi phạm tội bị cáo V có nhân thân tốt, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và được Ủy ban nhân dân xã N tặng giấy khen; bị cáo V có nơi cư trú rõ ràng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Lê Hoàng Minh V và Phạm Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của hai bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ ngày 24/02/2021, tại khu vực trước nhà nghỉ P, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Quảng Ngãi bắt quả tang Phạm Ngọc T đang có hành vi bán trái phép cho Phạm Thanh P 0.34 gam ma túy loại Ketamine và 0,73 gam

ma túy loại MDMA với tổng số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo T khai nhận nguồn gốc số ma túy này là do bị cáo Lê Hoàng Minh V đưa cho bị cáo T mang đến giao cho P có số điện thoại 0935.492.843 tại nhà nghỉ P. Sau khi giao xong V sẽ trả công cho T 300.000 đồng. Bị cáo V khai nhận đã đặt mua của đối tượng tên “T” trên mạng Facebook 02 (hai) chum ma túy “khay” và 02 (hai) viên ma túy “keo” với số tiền là 1.600.000 đồng.

Ma túy loại MDMA và ma túy loại Katemine không được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02-02-2019 của Chính Phủ quy định việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy trong trường hợp các chất ma túy không được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật hình sự năm 2015, thì tỷ lệ phần trăm khối lượng chất ma túy mà bị cáo V và bị cáo T mua bán so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 của Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là: MDMA ($0,73\text{gam} / 5\text{gam} \times 100\%$) = 14,6% và Katemine ($0,34\text{gam} / 20\text{gam} \times 100\%$) = 1,7%. Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy mà bị cáo V và bị cáo T mua bán là 16.3% < 100%, nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Với hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 04-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Lê Hoàng Minh V và Phạm Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo: Hai bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù biết rõ tác hại của các chất ma túy đối với cộng đồng, xã hội nhưng để có ma túy sử dụng và bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã mua ma túy từ một người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) đem về sử dụng và bán cho Phạm Thanh P một lần 0,73gam ma túy loại MDMA và 0,34gam ma túy loại Katemine. Tuy nhiên đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo V có vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp mua ma túy về cất giấu và liên lạc với con nghiện để bán ma túy lấy tiền; bị cáo T có vai trò giúp sức, là người V nhờ đi giao ma túy cho V để được V cho tiền, nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo V cao hơn mức hình phạt đối với bị cáo T. Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của nhà nước, đặc biệt trong tình hình xã hội hiện nay, tội phạm ma túy đang gia tăng, gây mất trật tự an toàn xã và là nguyên nhân để gây ra nhiều tội phạm khác, nên cần xử phạt nghiêm, cách li các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, đều hoàn thành nghĩa vụ quân sự được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N tặng giấy khen, bị cáo V có bà nội được tặng danh hiệu chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đầy và bị cáo T có ông

nội là liệt sĩ, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho hai bị cáo. Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Các đối tượng có liên quan trong vụ án:

Đối với đối tượng tên “T” đã bán ma túy cho Lê Hoàng Minh V trên mạng xã hội Facebook, nhưng V không biết rõ nhân thân lai lịch của đối tượng này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng nên không xử lý được.

Đối với Phạm Thanh P là người liên hệ mua ma túy của các bị cáo V và T để sử dụng, nhưng P chưa nhận được ma túy thì Cơ quan điều tra đã bắt quả tang đối với T nên không truy cứu trách nhiệm hình sự và Cơ quan điều tra đã thông báo cho chính quyền địa phương để xử lý hành chính đối với P là phù hợp.

Đối với Trần Thị Thanh H là người sống chung như vợ chồng với Lê Hoàng Minh V tại căn nhà số: 04/10 L, phường T, thành phố Quảng Ngãi, việc V cất giấu ma túy để bán, H không biết nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H là có cơ sở.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với đồ vật, tài liệu tạm giữ của Phạm Ngọc T, gồm:

- 01 (một) phong bì giấy số 221/PC09 (GD-2021) bên trong đựng mẫu vật ma túy còn lại sau giám định, trên phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và chữ ký của các ông Huỳnh Minh N và Trần Công M. Đây là chất ma túy còn lại sau giám định nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, loại bàn phím số trên vỏ có dòng chữ NOKIA, số IMEI: 350618542335166, bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL có dãy số: 898404800012509460. Đây là chiếc điện thoại bị can Tiên dùng vào việc liên lạc bán ma túy cho Phạm Thanh P nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Số tiền 1.800.000 (Một triệu tám trăm ngàn) đồng, là tiền trong số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Đây là tiền Phạm Thanh P đưa cho bị cáo T để mua ma túy, Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang Phạm Ngọc T, trong quá trình bị cáo T chống đối nhằm tẩu thoát đã bị rơi thất lạc mất 200.000 đồng. Xét đây là tiền thu được từ việc mua bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu đen, trên vỏ có dòng chữ OPPO, IMEI 1: 865545054535255, số IMEI 2: 865545054535248, bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ Sim VIETTEL có dãy số: 8984048000321972776. Đây là chiếc điện thoại bị cáo T, bị cáo T không sử dụng làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

Đối với đồ vật, tài liệu tạm giữ nơi ở của Lê Hoàng Minh V, gồm:

- 01 (một) ống tự chế (không rõ chất liệu); 01 (một) dao tự chế dài khoảng 50cm có cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng. Đây là dụng cụ bị cáo V sử dụng ma túy “khay” và dùng để phòng vệ cho bản thân khi bán chất ma túy, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu trắng, trên vỏ có hình trái táo, model: MWL82VC/A, IMEI: 353968101351386. Bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL có dãy số 8984048008822649423. Xét đây là điện thoại

bị cáo V sử dụng làm phương tiện mua bán chất ma túy nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, trên vỏ có chữ NOKIA, model: RM-647, IMEI: 358252/04/617819/5. Bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL có dãy số 8984048000319237297 và 01 (một) điện thoại di động màu xanh, trên vỏ có chữ NOKIA, model: TA-1034, IMEI 1: 353407097563571, IMEI 2: 358567087985574. Bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim Mobifone có dãy số 8401200233469830; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 212432070 mang tên LÊ HOÀNG MINH V. Xét đây là các vật chứng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo V.

- 02 (hai) camera màu trắng, có dãy số 201225000426 và 201225000612, cùng nhãn hiệu Vantech. Đây là hai camera của chị Trần Thị Thanh H là bạn gái của Lê Hoàng Minh V mua và gắn tại căn nhà số: 04/10 L, phường T, thành phố Quảng Ngãi khi chị H thuê căn nhà này; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 123.300.000 đồng. Đây là tiền của chị Trần Thị Thanh H mượn của cha mẹ và tiền chị H tích lũy được, nhằm mục đích mở tiệm café. Xét, những vật chứng này không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu là chị H.

Đối với đồ vật, tài liệu tạm giữ của Phạm Thanh P, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động màu trắng, trên vỏ có dòng chữ Iphone, model: A1688, IMEL: 35566500819960. Bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim Mobifone có dãy số 8401180151963166. Xét đây là điện thoại chị Phạm Thanh P sử dụng làm phương tiện mua trái phép chất ma túy nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen, trên vỏ có dòng chữ Masstel, model: izi, IMEI1: 359366093046490, IMEL 2: 359366093046508. Bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim Mobifone có dãy số: 8401181233023426. Xét đây là điện thoại của chị P, điện thoại này không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chị P.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ - đen, mang biển kiểm soát 76E1 - 42610, có số máy: JA38E0172625; số khung: 3811GY074796 chủ sở hữu là Phạm Thị H chị ruột của bị cáo T cho bị cáo T mượn để làm phương tiện đi lại, việc bị cáo T sử dụng xe mô tô 76E1 - 426.10 làm phương tiện đi bán ma túy, chị H không biết nên Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là chị Phạm Thị H là đúng quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu đỏ - trắng, mang biển kiểm soát 76C1 - 377.18; số khung: 0610GY337039; số máy: G3D4B353956, Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi khám xét nơi ở của Lê Hoàng Minh V. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô BKS 76C1 - 377.18 là của anh Nguyễn Thanh H mua và đứng tên đăng ký chủ sở hữu xe từ tháng 11/2016 đến ngày 22/4/2020, anh H đã bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Quốc H. Vào khoảng thời giữa tháng 02/2021 anh H cho bị cáo Lê Hoàng Minh V mượn để làm phương tiện đi lại, chiếc xe này không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo V, nên Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Quốc H là đúng quy định pháp luật.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, về xử lý vật chứng và hình

phạt đối với bị cáo V là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về phần hình phạt của bị cáo T, xét thấy tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, trong vụ án này bị cáo thực hiện với vai trò phụ, giúp sức cho bị cáo V, nên xử phạt bị cáo V với mức án thấp hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo V về việc cho bị cáo V được hưởng án treo là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 106 và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng Minh V và bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Lê Hoàng Minh V 3 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-02-2021.

Xử phạt Phạm Ngọc T 2 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-02-2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì giấy số 221/PC09 (GD-2021) bên trong đựng mẫu vật ma túy còn lại sau giám định, trên phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và chữ ký của các ông Huỳnh Minh N và Trần Công M.

- 01 (một) ống tự chế (không rõ chất liệu); 01 (một) dao tự chế dài khoảng 50cm có cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng (đựng trong 01 (một) phong bì có mã số PS3A 046474 được dán kín và có chữ ký, họ tên của giám định viên Nguyễn Thế A).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, loại bàn phím số trên vỏ có dòng chữ NOKIA bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL (của bị cáo T, đã được niêm phong và có chữ ký của ông Nguyễn Phương Đ).

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu trắng, trên vỏ có hình trái táo, bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL (của bị cáo V, đựng trong 01 (một) phong bì có mã số PS3A 046474 được dán kín và có chữ ký, họ tên của giám định viên Nguyễn Thế A).

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.800.000 đồng (của bị cáo V, được Công an thành phố Quảng Ngãi nộp vào tài khoản số 3949.0.1075855.00000 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi mở tại Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi theo giấy ủy nhiệm chi ngày 16-9-2021).

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng, trên vỏ có dòng chữ Iphone, bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim Mobifone (của chị Phạm Thanh P, đựng trong 01 (một) phong bì có mã số PS3A 046486 được dán kín và có chữ ký, họ tên của giám định viên Nguyễn Thế A).

Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc T 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu đen, trên vỏ có dòng chữ OPPO, bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL (đã được niêm phong và có chữ ký của ông Nguyễn Phương Đ).

Trả lại cho bị cáo Lê Hoàng Minh V 01 (một) điện thoại di động màu đen, trên vỏ có chữ NOKIA, bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ Sim VIETTEL; 01 (một) điện thoại di động màu xanh, trên vỏ có chữ NOKIA, bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim Mobifone và 01 (một) chứng minh nhân dân số: 212432070; mang tên LÊ HOÀNG MINH V. (đựng trong 01 (một) phong bì có mã số PS3A 046474 được dán kín và có chữ ký, họ tên của giám định viên Nguyễn Thế A).

Trả lại cho chị Trần Thị Thanh H 02 (hai) camera màu trắng, có dãy số 201225000426 và 201225000612, cùng nhãn hiệu Vantech (đã được niêm phong và có chữ ký của ông Nguyễn Phương Đ) và tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 123.300.000 đồng (được Công an thành phố Quảng Ngãi nộp vào tài khoản số 3949.0.1075855.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi mở tại Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi theo giấy ủy nhiệm chi ngày 16-9-2021).

Trả lại cho chị Phạm Thanh P 01 (một) điện thoại di động màu đen, trên vỏ có dòng chữ Masstel, bên trong thân máy có gắn 01 (một) thẻ sim Mobifone (đựng trong 01 (một) phong bì có mã số PS3A 046486 được dán kín và có chữ ký, họ tên của giám định viên Nguyễn Thế Anh).

Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 06-9-2021 giữa Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Hoàng Minh V và Phạm Ngọc T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP Quảng Ngãi;
- Phòng NVLT CATP Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ CATP Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Như

